

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 36

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và gần nhất lần thứ 08 ngày 18/12/2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, cập nhật thông tin địa giới hành chính, thông tin liên hệ và một số thông tin khác của Công ty.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 18/12/2025 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Tổng Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Đông	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/11/2025) Phó Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025)
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/11/2025, miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Đỗ Hoàng Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Vũ Văn Hậu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Bà Trần Kim Khánh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Trần Nam Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025, miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 12/01/2026) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 12/01/2026) Thành viên (Từ ngày 12/01/2026)
Bà Trần Thu Huệ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Ban Điều hành

Ông Vũ Văn Hậu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2025)
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/11/2025)
Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/11/2025)
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 09/4/2025)
Ông Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 10/11/2025) Phụ trách kế toán (Từ ngày 09/4/2025 đến ngày 10/11/2025)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành



Nguyễn Quốc Hưng
Phó Tổng Giám đốc
(Giấy Ủy quyền số 577UQ/ĐT-VP
ngày 18/12/2025 của Tổng Giám đốc)
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 210/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, được lập ngày 27/3/2026, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Tiến**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		358.479.201.678	215.894.152.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	63.767.898.645	66.281.277.735
1. Tiền	111		46.767.898.645	16.681.277.735
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	49.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.700.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	38.700.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238.871.358.356	130.019.043.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	259.298.195.964	88.608.564.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	16.052.381.773	24.765.074.819
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	24.743.350.467	30.574.741.427
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(61.222.569.848)	(13.929.337.535)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	17.093.494.174	19.363.313.587
1. Hàng tồn kho	141		17.093.494.174	19.363.313.587
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.450.503	230.517.790
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.320.000	185.387.287
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	45.130.503	45.130.503
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		273.023.532.781	278.139.128.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.245.200	120.245.200
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	120.245.200	120.245.200
II. Tài sản cố định	220		43.274.317.122	44.359.981.003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	25.505.177.122	26.590.841.003
- Nguyên giá	222		58.901.910.695	58.852.547.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.396.733.573)	(32.261.706.056)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		621.809.578	5.517.794.123
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	621.809.578	5.517.794.123
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	228.983.170.982	228.103.422.309
1. Đầu tư vào Công ty con	251	5.12	299.518.746.692	299.518.746.692
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	57.285.151.211	78.969.568.728
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.12	(127.820.726.921)	(150.384.893.111)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.989.899	37.685.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	23.989.899	37.685.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		631.502.734.459	494.033.280.289

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		86.228.877.570	67.693.963.366
I. Nợ ngắn hạn	310		85.308.877.570	66.673.963.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	54.349.109.043	36.553.714.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	12.132.328.163	19.003.820.589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	166.854.006	78.028.111
4. Phải trả người lao động	314		2.724.922.052	2.771.306.893
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	47.800.000	47.800.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	86.300.000	311.937.500
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	7.794.371.534	7.900.162.933
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	8.000.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.192.772	7.192.772
II. Nợ dài hạn	330		920.000.000	1.020.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	920.000.000	1.020.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		545.273.856.889	426.339.316.923
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	545.273.856.889	426.339.316.923
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.594.260.097	(50.340.279.869)
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(50.340.279.869)	(23.285.827.120)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		118.934.539.966	(27.054.452.749)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		631.502.734.459	494.033.280.289

Người lập biểu



Lê Hữu Nghị

Kế toán trưởng



Vũ Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc




Nguyễn Quốc Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	177.315.753.782	119.802.171.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		177.315.753.782	119.802.171.602
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	165.826.327.786	110.993.910.967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.489.425.996	8.808.260.635
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	159.865.918.927	8.912.972.462
7. Chi phí tài chính	22	6.4	(22.307.081.457)	22.083.070.950
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>128.350.685</i>	<i>387.040.316</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	861.995.369	290.931.452
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	73.942.621.991	23.194.640.862
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		118.857.809.020	(27.847.410.167)
11. Thu nhập khác	31	6.6	403.798.686	583.935.857
12. Chi phí khác	32	6.6	327.067.740	44.857.673
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	76.730.946	539.078.184
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		118.934.539.966	(27.308.331.983)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		118.934.539.966	(27.308.331.983)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026
 Phó Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghị



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Quốc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		118.934.539.966	(27.308.331.983)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.135.027.517	1.090.565.330
- Các khoản dự phòng	03		24.729.066.123	21.585.433.334
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.504.181)	(10.402.657)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(159.249.318.702)	(8.834.526.245)
- Chi phí lãi vay	06		128.350.685	387.040.316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.332.838.592)	(13.090.221.905)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.905.590.892)	81.515.718.008
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.269.819.413	(60.168.252)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.666.060.204	(52.736.254.266)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		197.762.887	(64.218.852)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(128.350.685)	(387.040.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(20.233.137.665)	15.177.814.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(49.363.636)	(593.234.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.300.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(38.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.272.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.026.994.737	8.834.526.245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.849.631.101	8.941.291.845
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		8.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(30.823.100.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(131.146.000)	(197.263.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.868.854.000	(31.020.363.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.514.652.564)	(6.901.257.038)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		66.281.277.735	73.182.619.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.273.474	(84.745)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	63.767.898.645	66.281.277.735

Người lập biểu



Lê Hữu Nghị

Kế toán trưởng



Vũ Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và gần nhất lần thứ 08 ngày 18/12/2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, cập nhật thông tin địa giới hành chính, thông tin liên hệ và một số thông tin khác của Công ty.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 18/12/2025 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 64 người (Tại ngày 01/01/2025 là 54 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Số 204 đường Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	55,54%
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	52 - 54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5 tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, Tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, TP Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	98,22%	98,22%
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)	48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, TP. Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49,00%	49,00%
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07, Khu công nghiệp Bình Xuyên II, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%	41,74%

(*) Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2013.

Chi nhánh phụ thuộc:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Phường Hải An, TP. Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 08 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước*Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, tiền học phí nhiều kỳ); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng, lắp đặt

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị trực thuộc được thực hiện và kê khai tập trung tại Tổng Công ty.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	209.079.341	84.952.519
Tiền gửi ngân hàng	46.558.819.304	16.596.325.216
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	49.600.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)</i>	<i>17.000.000.000</i>	<i>49.600.000.000</i>
Total	63.767.898.645	66.281.277.735

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 2,4% đến 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	38.700.000.000	38.700.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	38.700.000.000	38.700.000.000	-	-
Tổng	38.700.000.000	38.700.000.000	-	-

(i): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 07 đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 3,4% đến 4,69%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	259.298.195.964	88.608.564.332
Công ty TNHH đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	22.176.666.534
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	20.263.690.714	21.013.690.714
Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	-	70.200.000
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	-	1.448.837.040
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam	-	4.628.502.810
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	1.898.564.713	7.481.758.363
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	-	7.525.961.877
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ kỹ thuật Chấn Hưng	23.230.273.588	-
Công ty TNHH Công nghệ thông tin và Truyền thông GTEL	12.773.211.222	397.848.900
Công ty Công ty cổ phần GLC Vina	137.088.000.000	-
Các khách hàng khác	41.867.789.193	23.865.098.094
Tổng	259.298.195.964	88.608.564.332

Trong đó: Phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1

23.673.705

23.673.705

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	16.052.381.773	24.765.074.819
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty CP đầu tư và thương mại - HK	-	5.724.629.173
Công ty TNHH XPAD	9.860.069.072	10.491.048.027
Các nhà cung cấp khác	1.337.961.701	3.695.046.619
Tổng	16.052.381.773	24.765.074.819

5.5 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	24.743.350.467	(5.226.238.683)	30.574.741.427	(2.459.411.224)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	142.726.027	-	-	-
Phải thu khác	15.263.405.266	(5.226.238.683)	21.309.837.854	(2.459.411.224)
+ Công ty CP Viettronicsc Công nghiệp	8.290.603.552	(2.717.440.906)	8.290.603.552	-
+ Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.539.427.889	-	1.539.427.889	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	-	-	5.989.464.000	-
+ Phải thu các đối tượng khác	631.146.252	(400.800.204)	688.114.840	(351.413.651)
Tạm ứng	9.337.219.174	-	9.259.903.573	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	5.000.000	-
Dài hạn	120.245.200	-	120.245.200	-
Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200	-
+ Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CĐ nghề Viettronics	64.245.200	-	64.245.200	-
+ Trung tâm dịch vụ Thuần - Trường CĐ nghề Viettronics	32.000.000	-	32.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	24.000.000	-	24.000.000	-
Tổng	24.863.595.667	(5.226.238.683)	30.694.986.627	(2.459.411.224)
Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1	10.060.528.389	-	16.049.992.389	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Nợ xấu

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Số năm quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng				
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	Trên 3 năm	1.161.897.311	(1.161.897.311)	1.161.897.311
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	Trên 3 năm	2.653.678.000	(2.653.678.000)	2.653.678.000
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Trên 3 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000
Công ty TNHH đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc	Trên 3 năm	22.176.666.534	(22.176.666.534)	-
Công ty cổ phần AKA Việt Nam	Trên 3 năm	21.013.690.714	(21.013.690.714)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.263.547.606	(1.263.547.606)	-
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	Trên 3 năm	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	72.500.000	(72.500.000)	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	Trên 3 năm	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Trên 3 năm	2.717.440.906	(2.717.440.906)	231.346.388
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	Trên 3 năm	400.800.204	(400.800.204)	120.067.263
		61.222.569.848	(61.222.569.848)	13.929.337.535
				(13.929.337.535)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.039.374.174	-	19.309.193.587	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
Tổng	17.093.494.174	-	19.363.313.587	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	1.320.000	185.387.287
Công cụ dụng cụ	1.320.000	11.200.000
Chi phí thuê	-	8.588.768
Chi phí tư vấn	-	151.018.519
Các chi phí khác	-	14.580.000
Dài hạn	23.989.899	37.685.499
Công cụ, dụng cụ	23.989.899	37.685.499
Tổng	25.309.899	223.072.786

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
15 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	469.050.320	90.000.000	58.852.547.059
Tăng trong năm	-	-	-	49.363.636	-	49.363.636
Mua trong năm	-	-	-	49.363.636	-	49.363.636
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	518.413.956	90.000.000	58.901.910.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	24.568.358.314	894.441.666	6.322.355.756	469.050.320	7.500.000	32.261.706.056
Tăng trong năm	1.083.612.108	21.714.400	-	11.701.009	18.000.000	1.135.027.517
Khấu hao trong năm	1.083.612.108	21.714.400	-	11.701.009	18.000.000	1.135.027.517
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	25.651.970.422	916.156.066	6.322.355.756	480.751.329	25.500.000	33.396.733.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	26.435.146.274	73.194.729	-	-	82.500.000	26.590.841.003
Tại 31/12/2025	25.351.534.166	51.480.329	-	37.662.627	64.500.000	25.505.177.122

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 19.532.801.170 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 19.532.801.170 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>17.769.140.000</u>	<u>340.090.400</u>	<u>18.109.230.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025	-	340.090.400	340.090.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>-</u>	<u>340.090.400</u>	<u>340.090.400</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	<u>17.769.140.000</u>	-	<u>17.769.140.000</u>
Tại 31/12/2025	<u>17.769.140.000</u>	-	<u>17.769.140.000</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 340.090.400 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 340.090.400 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	<u>621.809.578</u>	<u>5.517.794.123</u>
Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	-	4.895.984.545
Công trình Trường Cao đẳng nghề Viettronics	621.809.578	621.809.578
Tổng	<u>621.809.578</u>	<u>5.517.794.123</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con				299.518.746.692	(93.735.869.777)	299.518.746.692	(116.690.144.710)
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	97%	97%	97%	75.462.731.429	(59.834.205.493)	75.462.731.429	(25.290.438.482)
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	51,00%	51,00%		15.198.723.728	-	15.198.723.728	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	55,54%	55,54%		133.226.370.342	-	133.226.370.342	(59.689.062.342)
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	51,00%	51,00%		35.073.921.193	-	35.073.921.193	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	65,00%	65,00%		13.000.000.000	(6.344.664.284)	13.000.000.000	(4.415.150.112)
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	98,22%	98,22%		27.557.000.000	(27.557.000.000)	27.557.000.000	(27.295.493.774)
Đầu tư vào Công ty liên kết				57.285.151.211	(34.084.857.144)	78.969.568.728	(33.694.748.401)
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông (i)				-	-	21.684.417.517	-
Công ty Cổ phần Viettronimex	42,16%	42,16%		13.987.729.333	-	13.987.729.333	-
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	33,77%	33,77%		2.278.518.130	-	2.278.518.130	-
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	28,52%	28,52%		895.348.195	-	895.348.195	-
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	49,00%	49,00%		1.276.595.137	(1.276.595.137)	1.276.595.137	(1.276.595.137)
Công ty TNHH DM Vina	41,74%	41,74%		38.846.960.416	(32.808.262.007)	38.846.960.416	(32.418.153.264)
Tổng				356.803.897.903	(127.820.726.921)	378.488.315.420	(150.384.893.111)

(i): Công ty chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam theo Nghị quyết số 74/NQ/DDT-HĐQT ngày 18/12/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

(ii): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	54.349.109.043	54.349.109.043	36.553.714.568	36.553.714.568
Công ty Cổ phần YOTEK	-	-	433.947.240	433.947.240
Công ty CP đầu tư và thương mại - HK	14.430.087.961	14.430.087.961	-	-
Công ty Cổ phần kỹ thương O & C	7.850.148.074	7.850.148.074	3.352.750.439	3.352.750.439
Công ty Cổ phần MEDITRONIC	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000	4.534.830.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	888.303.884	888.303.884	4.886.745.418	4.886.745.418
Công ty CP công nghệ thông minh Tiến Phát	7.296.917.300	7.296.917.300	3.995.196.522	3.995.196.522
Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.591.083.832	6.591.083.832	6.091.063.662	6.091.063.662
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Tekskom	7.553.065.800	7.553.065.800	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.204.672.192	5.204.672.192	13.259.181.287	13.259.181.287
Tổng	54.349.109.043	54.349.109.043	36.553.714.568	36.553.714.568
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>6.485.140.235</i>	<i>6.485.140.235</i>	<i>7.241.496.079</i>	<i>7.241.496.079</i>

5.14 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	12.132.328.163	19.003.820.589
Tổng công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	612.440.372	612.440.372
Công ty cổ phần kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	10.705.150.977	10.705.150.977
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban QLDA lưới điện Miền Nam	-	4.628.502.810
Các khách hàng khác	814.736.814	3.057.726.430
Tổng	12.132.328.163	19.003.820.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	78.028.111	1.251.391.237	1.162.565.342	166.854.006
Thuế giá trị gia tăng	72.535.056	478.849.055	410.273.409	141.110.702
Thuế thu nhập cá nhân	5.493.055	349.232.435	328.982.186	25.743.304
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	419.309.747	419.309.747	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	45.130.503	-	-	45.130.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.130.503	-	-	45.130.503

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	47.800.000	47.800.000
Chi phí lắp đặt, chạy thử thiết bị	47.800.000	47.800.000
Tổng	47.800.000	47.800.000

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	86.300.000	311.937.500
Doanh thu nhận trước tiền học phí	86.300.000	311.937.500
Tổng	86.300.000	311.937.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	7.794.371.534	7.900.162.933
Kinh phí công đoàn	99.358.391	48.844.365
Bảo hiểm y tế	147.841	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.694.865.302	7.851.318.568
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.553.609.000</i>	<i>2.684.755.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Công trình Viettronics</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>838.856.302</i>	<i>864.163.568</i>
Dài hạn	920.000.000	1.020.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	920.000.000	1.020.000.000
Tổng	8.714.371.534	8.920.162.933
<i>Trong đó phải trả khác là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Trong năm		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch III (i)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
Tổng	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/324800/HĐTD ký ngày 30/6/2025 giữa Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch III. Hạn mức tín dụng: 130 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay 30 tỷ đồng; hạn mức phát hành L/C, BLTT 30 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh khác 130 tỷ đồng. Thời hạn từ ngày 30/6/2025 đến ngày 30/6/2026. Biện pháp bảo đảm: Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh của Bên vay/Bên thứ ba.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	438.000.000.000	38.679.596.792	(23.031.947.886)	453.647.648.906
Lỗi trong năm trước	-	-	(27.308.331.983)	(27.308.331.983)
Số dư tại 31/12/2024	438.000.000.000	38.679.596.792	(50.340.279.869)	426.339.316.923
Số dư tại 01/01/2025	438.000.000.000	38.679.596.792	(50.340.279.869)	426.339.316.923
Lãi trong năm nay	-	-	118.934.539.966	118.934.539.966
Số dư tại 31/12/2025	438.000.000.000	38.679.596.792	68.594.260.097	545.273.856.889

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	385.297.500.000
Tập đoàn Geleximco - CTCP	385.297.500.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	52.702.500.000	52.702.500.000
Tổng	438.000.000.000	438.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng				
USD	2.426,94	64.363.573	2.466,21	62.490.927
EUR	466,05	15.032.145	485,99	12.724.676

b. Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty quản lý và sử dụng các điểm đất sau:

- Địa điểm đất số 15 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội; Diện tích 544,89 m²; Địa điểm đất không có Hợp đồng thuê đất, hàng năm Tổng Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế.
- Địa điểm đất số 118 Cát Bi, phường Hải An, Thành phố Hải Phòng; Diện tích 9.046 m² trong đó 7.766 m² sử dụng Trường cao đẳng công nghệ VIET TRONICS và 1.280 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đê tạm giao cho Tổng Công ty quản lý; Tổng Công ty được UBND Thành phố Hải Phòng giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 997/QĐ-UB ngày 07/05/2002 để sử dụng vào mục đích thành lập Trường cao đẳng công nghệ VIET TRONICS.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng, lắp đặt	167.142.530.491	111.796.059.296
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.173.223.291	8.006.112.306
Tổng	177.315.753.782	119.802.171.602

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	163.666.668.361	108.954.294.491
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.159.659.425	2.039.616.476
Tổng	165.826.327.786	110.993.910.967

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.783.816.764	1.126.187.245
Cổ tức được chia	8.385.904.000	7.708.339.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.111.499	68.043.560
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	10.504.181	10.402.657
Lãi thanh lý khoản đầu tư	149.675.582.483	
Tổng	159.865.918.927	8.912.972.462
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>8.385.904.000</i>	<i>7.708.339.000</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	128.350.685	387.040.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	128.734.048	110.597.300
Dự phòng tổn thất đầu tư	(22.564.166.190)	21.585.433.334
Tổng	(22.307.081.457)	22.083.070.950

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	861.995.369	290.931.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	30.528.000
Chi phí bằng tiền khác	861.995.369	260.403.452
Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.942.621.991	23.194.640.862
Chi phí nhân viên quản lý	14.350.100.857	11.916.523.092
Chi phí đồ dùng văn phòng	45.986.107	18.470.906
Chi phí khấu hao TSCĐ	804.838.117	815.914.476
Thuế phí và lệ phí	12.751.550	9.000.000
Chi phí dự phòng	47.293.232.313	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.564.710.514	2.097.187.202
Chi phí bằng tiền khác	9.871.002.533	8.337.545.186
Tổng	74.804.617.360	23.485.572.314

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	361.711.497	38.000.001
Hoàn nhập chi phí bảo lãnh	-	28.412.443
Xử lý công nợ	-	467.473.147
Thanh lý công cụ dụng cụ	40.409.500	
Thu nhập khác	1.677.689	50.050.266
Tổng	403.798.686	583.935.857
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	326.704.614	38.000.000
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	13.106	6.828.657
Chi phí khác	350.020	29.016
Tổng	327.067.740	44.857.673
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	76.730.946	539.078.184

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118.934.539.966	(27.308.331.983)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(118.934.539.966)	(7.708.339.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	118.934.539.966	7.708.339.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>8.385.904.000</i>	<i>7.708.339.000</i>
<i>Chuyển lỗ năm trước sang</i>	<i>110.548.635.966</i>	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(35.016.670.983)
Thuế suất TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	163.070.362.821	108.055.077.896
Chi phí nhân công	15.481.879.648	11.916.523.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.135.027.517	1.090.565.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.571.055.035	2.127.715.202
Chi phí khác bằng tiền	9.809.568.399	11.231.623.382
Chi phí dự phòng	47.293.232.313	-
Tổng	238.361.125.733	134.421.504.902

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Geleximco - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp Thái Bình	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Ô tô GEL-O&J	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	Công ty liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Thiết bị khí tượng thủy văn và môi trường Việt Nam	Công ty liên quan của người nội bộ
Các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Geleximco - CTCP	Ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Người quản lý khác	Lương và thù lao	3.524.393.938	2.731.810.001

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Văn Đông	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 07/11/2025) Phó Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025)	536.725.072	462.969.209
Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch (Đến ngày 07/11/2025) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07/11/2025, miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	48.000.000	48.000.000
Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026) Phó Tổng Giám đốc	463.134.975	443.473.219
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026) Tổng Giám đốc	454.834.022	542.269.209
Đỗ Thị Thúy Hương	(Miễn nhiệm ngày 10/11/2025) Thành viên HĐQT	18.000.000	313.297.915
Nguyễn Trung Dũng	(Miễn nhiệm ngày 10/4/2025); Kế toán trưởng (Đến ngày 09/4/2025); Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 10/4/2025, miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	414.012.113	419.127.229
Ông Vũ Văn Hậu	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/11/2025)	131.874.000	-
Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28/11/2025)	76.086.150	-
Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)	407.865.679	-
Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)	96.000.000	-
Vũ Hoài Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 12/01/2026) Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 12/01/2026)	441.224.975	430.673.219
Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	36.000.000	36.000.000
Phạm Trung Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 08/01/2026)	36.000.000	36.000.000
Vũ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	364.636.952	-
Tổng		3.524.393.938	2.731.810.001

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng			3.659.157.900	9.586.281.505
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	Mua hàng	-	9.586.281.505
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	Mua hàng	3.659.157.900	-
Cổ tức			8.385.904.000	7.708.339.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	Cổ tức	5.989.464.000	5.989.464.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con	Cổ tức	1.224.000.000	1.530.000.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	Cổ tức	1.086.890.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết	Cổ tức	-	103.325.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	85.550.000	85.550.000
Hoạt động khác			-	38.000.000
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	Phạt vi phạm hợp đồng	-	38.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	
Phải thu khách hàng			23.673.705	23.673.705
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	23.673.705	23.673.705	
Phải thu khác			10.060.528.389	16.049.992.389
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	8.290.603.552	8.290.603.552	
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	1.539.427.889	1.539.427.889	
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948	
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	-	5.989.464.000	
Phải trả người bán			6.485.140.235	7.241.496.079
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	5.596.836.351	2.354.750.661	
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	888.303.884	4.886.745.418	
Phải trả khác			3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	3.000.000.000	3.000.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Hữu Nghị

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Quốc Hưng